

Số: 4690/TB-HVYDCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá gói thầu: **Cung cấp và lắp đặt rèm che nắng tại phòng làm việc, phòng thực hành, phòng thí nghiệm của các Bộ môn tầng 9, tầng 10 tòa nhà 11 tầng (Tòa A) và các giảng đường tầng 8, tầng 9 tòa nhà 10 tầng (Tòa B) thuộc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam**

Kính gửi: Quý đơn vị

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam tổ chức triển khai lựa chọn nhà thầu: Cung cấp và lắp đặt rèm che nắng tại phòng làm việc, phòng thực hành, phòng thí nghiệm của các Bộ môn tầng 9, tầng 10 tòa nhà 11 tầng (Tòa A) và các giảng đường tầng 8, tầng 9 tòa nhà 10 tầng (Tòa B) thuộc Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam. Học viện kính mời Quý đơn vị tham gia thực hiện. Nếu Quý đơn vị tham gia thực hiện, đề nghị Quý đơn vị có báo giá gửi Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam để tổ chức triển khai thực hiện theo các thông tin sau:

- Địa chỉ nhận báo giá: **Bộ phận Văn thư – Hành chính Tổng hợp - Phòng A101 tầng 1 nhà A**, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, số 2 Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.
- Điều kiện của báo giá: Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí và chi phí khác theo quy định; Cung cấp dịch vụ tại Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Thời gian gửi báo giá chậm nhất ngày 21 tháng 11 năm 2025.
Quý đơn vị phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về giá chào thầu.

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC

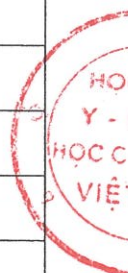
Nguyễn Quốc Huy



PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH MỤC DỊCH VỤ

(Kèm theo Thông báo số 4690 /TB-HVYDCT ngày 14/11/2025 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

| STT | Nội dung yêu cầu | ĐVT | Khối lượng | | Khối lượng (m ²) | Ghi chú |
|-----|--|----------------|------------|-------|------------------------------|---------|
| | | | Rộng | Cao | | |
| 01 | Rèm cầu vồng: Chất liệu bằng vải tổng hợp polyester, màu ghi 2 lớp | m ² | | | 346,430 | |
| | Phòng A901: Phòng Tiêu bản - Bộ môn Dược cổ truyền + Bộ môn Thực vật Dược liệu | m ² | 1,290 | 2,810 | 3,625 | |
| | | m ² | 1,040 | 2,810 | 2,922 | |
| | | m ² | 1,960 | 2,810 | 5,508 | |
| | Phòng A902: Phòng thực hành mô phôi - Bộ môn Giải phẫu Mô phôi | m ² | 1,030 | 2,790 | 2,874 | |
| | | m ² | 1,990 | 2,790 | 5,552 | |
| | | m ² | 1,340 | 2,690 | 3,605 | |
| | Phòng A903: Phòng thực hành mô phôi - Bộ môn Giải phẫu Mô phôi | m ² | 0,980 | 2,740 | 2,685 | |
| | | m ² | 1,860 | 2,740 | 5,096 | |
| | | m ² | 0,980 | 2,740 | 2,685 | |
| | | m ² | 1,880 | 2,740 | 5,151 | |
| | | m ² | 1,285 | 2,640 | 3,392 | |
| | Phòng A904: Phòng thực hành giải phẫu - Bộ môn Giải phẫu Mô phôi | m ² | 1,020 | 2,780 | 2,836 | |
| | | m ² | 1,990 | 2,780 | 5,532 | |
| | | m ² | 1,020 | 2,780 | 2,836 | |
| | | m ² | 1,930 | 2,780 | 5,365 | |
| | Phòng A905: Bộ môn Y lý | m ² | 2,060 | 2,210 | 4,553 | |
| | | m ² | 1,015 | 3,060 | 3,106 | |
| | Phòng A906: Phòng thực hành giải phẫu - Bộ môn Giải phẫu Mô phôi | m ² | 1,020 | 2,780 | 2,836 | |
| | | m ² | 1,910 | 2,780 | 5,310 | |
| | | m ² | 1,020 | 2,780 | 2,836 | |
| | | m ² | 1,910 | 2,780 | 5,310 | |



| | | | | | | |
|--|--|----------------------|--------------|--------------|--------------|--|
| | <i>Phòng A907: Bộ môn Phương tế + Bộ môn Phụ Sản + Bộ môn Phụ sản Y học cổ truyền</i> | <i>m²</i> | <i>2,070</i> | <i>2,210</i> | <i>4,575</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>3,055</i> | <i>3,101</i> | |
| | <i>Phòng A908: Phòng thực hành hoá sinh</i> | <i>m²</i> | <i>1,290</i> | <i>2,640</i> | <i>3,406</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>0,980</i> | <i>2,740</i> | <i>2,685</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,880</i> | <i>2,740</i> | <i>5,151</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>0,980</i> | <i>2,740</i> | <i>2,685</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,880</i> | <i>2,740</i> | <i>5,151</i> | |
| | <i>Phòng A909: Bộ môn Giải phẫu - Mô phôi + Bộ môn Quản lý và kinh tế dược</i> | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,165</i> | <i>4,460</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,020</i> | <i>3,020</i> | <i>3,080</i> | |
| | <i>Phòng A911: Bộ môn Bào chế Công nghiệp dược + Bộ môn Dược lâm sàng + Bộ môn kiểm nghiệm thuốc và độc chất</i> | <i>m²</i> | <i>1,040</i> | <i>2,810</i> | <i>2,922</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,010</i> | <i>2,810</i> | <i>5,648</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,350</i> | <i>2,810</i> | <i>3,794</i> | |
| | <i>Phòng A913: Bộ môn Hoá sinh + Phòng thực hành bộ môn Hoá sinh</i> | <i>m²</i> | <i>1,130</i> | <i>2,900</i> | <i>3,277</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,100</i> | <i>2,900</i> | <i>6,090</i> | |
| | <i>Phòng A915: Bộ môn Dược cổ truyền + Bộ môn Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền</i> | <i>m²</i> | <i>1,040</i> | <i>2,810</i> | <i>2,922</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,960</i> | <i>2,810</i> | <i>5,508</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,350</i> | <i>2,810</i> | <i>3,794</i> | |
| | <i>Phòng A1001: Phòng Thực hành giải phẫu bệnh - Pháp y</i> | <i>m²</i> | <i>1,010</i> | <i>2,890</i> | <i>2,919</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,045</i> | <i>4,213</i> | |
| | <i>Phòng A1002: Phòng Thí nghiệm (Viện Nghiên cứu)</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,910</i> | <i>2,954</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,060</i> | <i>4,244</i> | |
| | <i>Phòng A1003: Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,890</i> | <i>2,933</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,055</i> | <i>4,233</i> | |
| | <i>Phòng A1004:</i> | <i>m²</i> | <i>0,910</i> | <i>2,780</i> | <i>2,530</i> | |

| | | | | | | |
|--|--|----------------------|--------------|--------------|--------------|--|
| | <i>Phòng thực hành châm cứu</i> | <i>m²</i> | <i>1,950</i> | <i>1,936</i> | <i>3,775</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>0,910</i> | <i>2,775</i> | <i>2,525</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,950</i> | <i>1,933</i> | <i>3,769</i> | |
| | <i>Phòng A1005: Bộ môn Vi sinh - Kí sinh trùng</i> | <i>m²</i> | <i>1,010</i> | <i>2,890</i> | <i>2,919</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,060</i> | <i>4,244</i> | |
| | <i>Phòng A1006: Bộ môn Nội - Hồi sức cấp cứu</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,890</i> | <i>2,933</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,043</i> | <i>4,209</i> | |
| | <i>Phòng A1007: Bộ môn Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng</i> | <i>m²</i> | <i>1,565</i> | <i>3,000</i> | <i>4,695</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,505</i> | <i>3,000</i> | <i>4,515</i> | |
| | <i>Phòng A1008: Bộ môn KCDS XBBH + Ung thư + Dinh dưỡng</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,890</i> | <i>2,933</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,045</i> | <i>4,213</i> | |
| | <i>Phòng A1009: Bộ môn Lý luận Chính trị</i> | <i>m²</i> | <i>1,575</i> | <i>3,000</i> | <i>4,725</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,505</i> | <i>3,000</i> | <i>4,515</i> | |
| | <i>Phòng A1010: Văn phòng Đảng - Công đoàn - Đoàn thanh niên</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,895</i> | <i>2,938</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,047</i> | <i>4,217</i> | |
| | <i>Phòng A1011: Bộ môn Ngoại ngữ</i> | <i>m²</i> | <i>1,575</i> | <i>2,980</i> | <i>4,694</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>1,510</i> | <i>2,980</i> | <i>4,500</i> | |
| | <i>Phòng A1012: Bộ môn Nhi YHCT</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,875</i> | <i>2,918</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,045</i> | <i>4,213</i> | |
| | <i>Phòng A1013: Bộ môn Toán - Tin học</i> | <i>m²</i> | <i>1,010</i> | <i>2,880</i> | <i>2,909</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,045</i> | <i>4,213</i> | |
| | <i>Phòng A1015: Bộ môn Lão khoa, Bộ môn Châm cứu</i> | <i>m²</i> | <i>1,020</i> | <i>2,885</i> | <i>2,943</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,055</i> | <i>2,050</i> | <i>4,213</i> | |
| | <i>Phòng A1017: Bộ môn Nội YHCT</i> | <i>m²</i> | <i>1,015</i> | <i>2,885</i> | <i>2,928</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,060</i> | <i>2,037</i> | <i>4,196</i> | |
| | <i>Phòng B801: Giảng đường 801</i> | <i>m²</i> | <i>2,590</i> | <i>1,710</i> | <i>4,429</i> | |
| | | <i>m²</i> | <i>2,592</i> | <i>1,713</i> | <i>4,440</i> | |

| | | | | | | |
|--|--|-------|-------|-------|-------|--|
| | | m^2 | 2,480 | 1,596 | 3,958 | |
| | <i>Phòng B802: Giảng đường 802</i> | m^2 | 2,490 | 1,605 | 3,996 | |
| | | m^2 | 2,480 | 1,600 | 3,968 | |
| | | m^2 | 2,475 | 1,598 | 3,955 | |
| | | m^2 | 1,293 | 1,600 | 2,069 | |
| | <i>Phòng B803: Giảng đường 803</i> | m^2 | 1,285 | 1,603 | 2,060 | |
| | | m^2 | 1,280 | 1,600 | 2,048 | |
| | | m^2 | 1,280 | 1,593 | 2,039 | |
| | | m^2 | 1,420 | 1,723 | 2,447 | |
| | <i>Phòng B804: Giảng đường 804</i> | m^2 | 1,420 | 1,723 | 2,447 | |
| | | m^2 | 2,592 | 1,705 | 4,419 | |
| | <i>Phòng B901: Giảng đường 901</i> | m^2 | 2,575 | 1,710 | 4,403 | |
| | | m^2 | 2,483 | 1,598 | 3,968 | |
| | <i>Phòng B902: Giảng đường 902</i> | m^2 | 2,478 | 1,600 | 3,965 | |
| | | m^2 | 2,493 | 1,598 | 3,984 | |
| | | m^2 | 2,492 | 1,602 | 3,992 | |
| | | m^2 | 1,300 | 1,590 | 2,067 | |
| | <i>Phòng B903: Giảng đường 903</i> | m^2 | 1,288 | 1,588 | 2,045 | |
| | | m^2 | 1,288 | 1,603 | 2,065 | |
| | | m^2 | 1,284 | 1,600 | 2,054 | |
| | | m^2 | 1,420 | 1,722 | 2,445 | |
| | <i>Phòng B904: Giảng đường 904</i> | m^2 | 1,410 | 1,720 | 2,425 | |